*(Kèm theo Tờ trình số 306/TTr-CP ngày 07/9/2022 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/20…/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG**

**NGHỊ ĐỊNH**

VỀ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA

 LUẬT CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác ngày …. tháng….năm 202..*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.*

# Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết thi hành các Điều …. Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác số …./20…/QH15 ngày ….tháng….năm….

Đối tượng áp dụng của Nghị định này được thực hiện theo Điều 2 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

### Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp là các tổ chức kinh tế hợp tác có doanh thu từ các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo phân ngành cấp 1 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp chiếm từ 51% trở lên trong tổng doanh thu hàng năm của tổ chức kinh tế hợp tác.
2. Tổ chức kinh tế hợp tác công nghiệp-xây dựng là các tổ chức kinh tế hợp tác có doanh thu từ các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp-xây dựng theo phân ngành cấp 1 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam chiếm từ 51% trở lên trong tổng doanh thu hàng năm của tổ chức kinh tế hợp tác.
3. Tổ chức kinh tế hợp tác thương mại-dịch vụ là các tổ chức kinh tế hợp tác có doanh thu từ các hoạt động trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ theo phân ngành cấp 1 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam chiếm từ 51% trở lên trong tổng doanh thu hàng năm của tổ chức kinh tế hợp tác.
4. Tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực tài chính-tiền tệ là các tổ chức kinh tế hợp tác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

# Chương II

# TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

## Mục 1. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG

### Hoạt động tín dụng nội bộ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (hướng dẫn khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật)

Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết về hoạt động tín dụng nội bộ của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán, người làm kế toán của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (hướng dẫn khoản 5 Điều 50 dự thảo Luật)

1. Thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc được thuê ngoài;

b) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc thành viên Ban Giám đốc, thành viên khác của Ban kiểm soát, kế toán trưởng, thủ quỹ;

c) Được bồi dưỡng định kỳ trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghề Giám đốc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Chính phủ quy định.

3. Kế toán, người làm kế toán của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc được thuê ngoài;

b) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc thành viên Ban Giám đốc, thành viên khác của Ban kiểm soát, kế toán trưởng, thủ quỹ;

c) Được bồi dưỡng định kỳ trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### Chế độ tài chính, kế toán (hướng dẫn khoản 2 Điều 59 dự thảo Luật)

Chính phủ giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về chế độ tài chính, kế toán đối với các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Xử lý quỹ chung không chia và tài sản chung không chia khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân giải thể (hướng dẫn khoản 4 Điều 64, điểm c khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 92 dự thảo Luật)

1. Quỹ chung không chia được bàn giao cho chính quyền địa phương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 64 của Luật các tổ chức kinh tế hợp tác quản lý, sử dụng để hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội thành viên thông qua Nghị quyết về giải thể.
2. Đối với tài sản chung không chia không phải là tài sản gắn liền với đất, xây dựng trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc của thành viên, thì được bàn giao cho chính quyền địa phương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 64 của Luật các tổ chức kinh tế hợp tác trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Đại hội thành viên thông qua Nghị quyết về giải thể để bàn giao cho tổ chức kinh tế hợp tác tại địa phương.
3. Trường hợp sau 120 ngày kể từ ngày nhận bàn giao tài sản chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác bị giải thể, chính quyền địa phương không giao được cho tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn thì được thực hiện thanh lý tài sản này theo quy định pháp luật về thanh lý tài sản công chuyển vào ngân sách nhà nước hoặc bàn giao cho tổ chức đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác tại địa phương theo quy định.

## Mục 2. HỢP TÁC XÃ

### Phân loại hợp tác xã (hướng dẫn khoản 3 Điều 74 dự thảo Luật)

Hợp tác xã được phân theo quy mô siêu nhỏ, nhỏ, vừa và lớn.

1. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 50 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm dưới 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 01 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 300 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 15 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 5 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 1.000 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ 1.000 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm từ 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.

2. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 50 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm dưới 5 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 02 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 200 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 20 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 500 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm dưới 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ hơn 500 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm từ 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên.

3. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 100 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 300 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 30 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 10 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 500 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ hơn 500 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và tổng doanh thu của năm từ hơn 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ hơn 50 tỷ đồng trở lên.

4. HTX hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ được phân loại theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

### Xử lý các vướng mắc khi giải thể hợp tác xã đối với các HTX thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành (hướng dẫn khoản 7 Điều 92)

**1. Vướng mắc trong giải thể do không thành lập được Hội đồng giải thể bắt buộc theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Luật HTX năm 2012**

Đã xử lý trong dự thảo Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

**2. Vướng mắc trong giải thể do mất giấy đăng ký HTX, con dấu, giấy chứng nhận sử dụng con dấu**

- Trường hợp mất giấy đăng ký HTX*:* HTX làm thủ tục để được cấp lại giấy đăng ký tại cơ quan đăng ký HTX.

- Trường hợpbị mất con dấu, mất giấy chứng nhận sử dụng con dấu: HTX làm thủ tục để được cấp lại con dấu tại cơ quan công an đã cấp con dấu.

**3. Vướng mắc trong giải thể do nợ đọng thuế hoặc các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, nợ thành viên, nợ tổ chức tín dụng**

Xử lý theo văn bản số 17/BTC-TCDN ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn xử lý các khoản nợ của HTX không hoạt động.

Bộ Tài chính nghiên cứu có phương án xóa nợ cho HTX.

**4. Vướng mắc trong giải thể do không có đủ kinh phí triển khai thực hiện tổ chức giải thể**

 Khi giải thể, nguồn tài chính của HTX không còn thì được sử dụng kinh phí từ ngân sách địa phương nơi HTX đăng ký HTX để chi phí cho việc giải thể HTX

**5. Vướng mắc trong giải thể do không có đủ hồ sơ tài liệu liên quan xác định nguồn gốc để kiểm kê, định giá tài sản, tài sản không chia**

Giao cơ quan có thẩm quyền định giá lại tài sản của HTX, sau đó thực hiện việc giải thể.

**6. Vướng mắc trong giải thể do xử lý tài sản không chia; xử lý tài sản (bao gồm cả thanh lý tài sản) hình thành từ nhiều nguồn khi HTX giải thể, phá sản:**

Xử lý theo Thông tư số 31/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tài sản hình thành từ nhiều nguồn vốn khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản.

**7. Vướng mắc trong giải thể do không có cơ quan, đơn vị nhận bàn giao tài sản HTX hoặc không bố trí được ngân sách địa phương để chi trả cho HTX, thanh lý tài sản của HTX:**

Giao chính quyền địa phương nơi HTX đăng ký tiếp nhận tài sản không chia của HTX và bố trí ngân sách để chi trả cho HTX, thanh lý tài sản của HTX.

**8. Vướng mắc trong giải thể do tài sản trên đất và quyền sử dụng đất từ nhiều nguồn sở hữu khác nhau gây khó khăn trong bàn giao hoặc thanh lý tài sản**

Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường có phương án xử lý phù hợp với quy định của Luật Đất đai.

**9. Vướng mắc trong giải thể do chưa đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký**

Thực hiện giải thể bắt buộc đối với HTX

**10. Vướng mắc trong giải thể do đang xảy ra tranh chấp, khiếu kiện đối với HTX:**

Việc giải thể thực hiện sau khi HTX xử lý xong tranh chấp, khiếu kiện

**11. Vướng mắc trong giải thể do HTX chưa hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức giải thể bắt buộc**

Thông báo với HTX đề nghị cử đại diện hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc giải thể bắt buộc.

Sau khi thời hạn thông báo hết hiệu lực, thực hiện giải thể bắt buộc không có sự tham gia của HTX.

**12. Vướng mắc trong giải thể do Giám đốc HTX đã mất, Giám đốc HTX đang thụ án**

Các thành viên còn lại của HTX họp bầu ra giám đốc tạm thời, sau đó thực hiện việc giải thể theo quy định.

**13. Vướng mắc trong giải thể do HTX chỉ có tên không tồn tại trên địa chỉ đăng ký HTX.**

Thực hiện việc giải thể bắt buộc đối với HTX. Cơ quan ĐKKD thông báo tình trạng ngừng hoạt động của HTX, liên hiệp HTX trên hệ thống ĐKKD.

**14. Vướng mắc trong giải thể do cơ quan quản lý nhà nước không liên lạc được với đại diện HTX**

Các thành viên còn lại của HTX họp bầu ra người đại diện mới để làm việc với cơ quan nhà nước.

Trường hợp không hợp tác, thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều này.

## Mục 3. LIÊN ĐOÀN HỢP TÁC XÃ (hướng dẫn khoản 5 Điều 83 dự thảo Luật)

### Điều kiện trở thành thành viên liên đoàn hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp nhân khác trở thành của liên đoàn hợp tác xã phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đồng ý mục tiêu hoạt động của liên đoàn hợp tác xã;

b) Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên theo quy định của Luật này và Điều lệ liên đoàn hợp tác xã;

2. Thành viên của liên đoàn hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của liên đoàn hợp tác xã khác, trừ trường hợp Điều lệ liên đoàn hợp tác xã có quy định khác.

3. Điều kiện, thủ tục trở thành thành viên liên đoàn hợp tác xã đối với pháp nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài.

### Quyền của thành viên liên đoàn hợp tác xã

1. Được liên đoàn hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ;

2. Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác và Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã.

3. Được hưởng các phúc lợi của liên đoàn hợp tác xã.

4. Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên; mỗi thành viên hoặc đại biểu thành viên tham dự có một phiếu biểu quyết tại Đại hội thành viên.

đ) Được biểu quyết các nội dung thuộc quyền của Đại hội thành viên theo quy định tại Điều 40 của Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên và các chức danh khác được bầu của liên đoàn hợp tác xã.

g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên giải trình về hoạt động của liên đoàn hợp tác xã; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác và Điều lệ.

h) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của liên đoàn hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của liên đoàn hợp tác xã.

i) Ra khỏi liên đoàn hợp tác xã theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

k) Chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho thành viên khác theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã;

l) Được trả lại vốn góp khi ra khỏi liên đoàn hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

m) Được chia giá trị tài sản được chia còn lại của liên đoàn hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

o) Quyền khác theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

### Nghĩa vụ của thành viên liên đoàn hợp tác xã

1. Góp đủ, đúng thời hạn vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

2. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của liên đoàn hợp tác xã theo hợp đồng dịch và quy định khác của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của liên đoàn hợp tác xã trong phạm vi vốn góp vào liên đoàn hợp tác xã.

4. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho liên đoàn hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ Điều lệ, quy chế của liên đoàn hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị liên đoàn hợp tác xã.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

### Chấm dứt tư cách thành viên (Sửa đổi Điều 16 Luật HTX năm 2012)

1. Tư cách thành viên bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên là bị giải thể, phá sản;

b) Liên đoàn hợp tác xã bị giải thể, phá sản;

c) Thành viên tự nguyện ra khỏi liên hiệp hợp tác xã;

d) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã;

đ) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không tham gia hoạt động kinh tế với liên đoàn hợp tác xã trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ liên đoàn hợp tác xã;

e) Không góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ liên đoàn hợp tác xã tại thời điểm cam kết góp đủ vốn đối với thành viên chính thức;

g) Trường hợp khác do Điều lệ liên đoàn hợp tác xã quy định.

2. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo Đại hội thành viên gần nhất;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d, e và g khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên quyết định sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

3. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ liên đoàn hợp tác xã.

### Góp vốn Điều lệ

Vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ đoàn hiệp hợp tác xã nhưng không quá **15%** vốn Điều lệ của liên đoàn hợp tác xã.

### Trả lại vốn góp

1. Liên đoàn hợp tác xã lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa khi vốn góp của thành viên vượt quá mức vốn tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 của Luật này.

2. Trường hợp thành viên bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc trả lại, kế thừa vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

# Chương III

## TỔ HỢP TÁC

### Quyền của thành viên tổ hợp tác (hướng dẫn khoản 4 Điều 104 của dự thảo Luật)

1. Hưởng thu nhập thu được từ hoạt động của tổ hợp tác theo phần đóng góp vào hoạt động của tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác có quy định khác.

2. Tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hợp đồng hợp tác, quản lý, giám sát hoạt động của tổ hợp tác.

3. Rút khỏi tổ hợp tác khi đáp ứng điều kiện quy định tại hợp đồng hợp tác..

4. Trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên, cá nhân, pháp nhân có quyền yêu cầu nhận lại phần đóng góp đã góp vào tổ hợp tác, và được chia phần tài sản trong khối tài sản chung theo quy định tại hợp đồng hợp tác và Luật này.

5. Quyền khác theo quy định trong hợp đồng hợp tác và quy định của pháp luật.

###  Nghĩa vụ của thành viên tổ hợp tác (hướng dẫn khoản 4 Điều 104 của dự thảo Luật)

1. Thực hiện các quy định trong hợp đồng hợp tác theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và bảo đảm lợi ích chung của tổ hợp tác.

2. Góp đủ và đúng thời hạn tài sản hoặc sức lao động đã cam kết tại hợp đồng hợp tác.

3. Bồi thường thiệt hại cho các thành viên khác và cho bên thứ ba do lỗi của mình gây ra.

4. Liên đới chịu trách nhiệm dân sự đối với các hoạt động được thực hiện dưới danh nghĩa tổ hợp tác tương ứng với tỷ lệ phần đóng góp của thành viên vào tổ hợp tác theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định trong hợp đồng hợp tác và quy định của pháp luật.

### Chấm dứt tư cách thành viên tổ hợp tác (hướng dẫn khoản 4 Điều 104 của dự thảo Luật)

1. Tư cách thành viên tổ hợp tác bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ hợp tác chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 115 Luật này.

b) Thành viên tổ hợp tác là cá nhân chết, bị tòa án tuyên bố là đã chết, trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 128 Luật này.

c) Thành viên tổ hợp tác là pháp nhân chấm dứt tồn tại, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 128 Luật này.

d) Thành viên tổ hợp tác tự nguyện rút khỏi tổ hợp tác theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật này.

đ) Thành viên tổ hợp tác vi phạm hợp đồng hợp tác, hoặc không thực hiện đúng các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng hợp tác hoặc vi phạm nghiêm trọng nội quy của tổ hợp tác, và bị ít nhất 01 thành viên tổ hợp tác đề nghị chấm dứt tư cách thành viên.

e) Trường hợp khác theo quy định của hợp đồng hợp tác và pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục chấm dứt tư cách thành viên:

* 1. Tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) tổng hợp và đề xuất danh sách các thành viên tổ hợp tác bị chấm dứt tư cách thành viên tại cuộc họp thành viên gần nhất để các thành viên tổ hợp tác xem xét, quyết định.
	2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều này, tư cách thành viên sẽ bị chấm dứt nếu có ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác tán thành và được ghi vào biên bản cuộc họp, ghi rõ tỷ lệ % tổng số thành viên tán thành.
	3. Tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) thay mặt tổ thông báo cho toàn thể thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt tư cách thành viên, gạch tên thành viên ra khỏi tổ hợp tác trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp thành viên tổ hợp tác.
	4. Việc chấm dứt tư cách thành viên không làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân này được xác lập, thực hiện trước thời điểm chấm dứt tư cách thành viên.
	5. Cá nhân, pháp nhân bị chấm dứt tư cách thành viên có quyền yêu cầu nhận lại phần đóng góp mà mình đã góp vào tổ hợp tác sau khi thanh toán các nghĩa vụ theo thoả thuận. Phần chia tài sản sẽ tương ứng với tỷ lệ phần đóng góp trên giá trị tài sản chung của thành viên tổ hợp tác tại thời điểm nhận lại phần đóng góp, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

### Cơ chế điều hành, hoạt động của tổ hợp tác (Bổ sung) (hướng dẫn khoản 4 Điều 102 của dự thảo Luật)

1. Tổ hợp tác bầu tổ trưởng và tổ chức các cuộc họp thành viên để điều hành các hoạt động của tổ hợp tác. Trong trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có thể bầu ban điều hành.

2. Tổ trưởng và các thành viên ban điều hành tổ hợp tác (nếu có) được bầu khi có trên một nửa tổng số thành viên tán thành, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

3. Cuộc họp thành viên quyết định những vấn đề quan trọng nhất của tổ hợp tác.

4. Tổ trưởng tổ hợp tác tổ chức, điều hành hoạt động của tổ hợp tác theo phạm vi, nhiệm vụ được quy định trong hợp đồng hợp tác.

5. Ban điều hành (nếu có) chịu trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ quản lý, điều hành tổ hợp tác theo sự phân công của tổ trưởng tổ hợp tác và phải được các thành viên tán thành.

### Tài sản chung, tài chính của tổ hợp tác (Bổ sung) (hướng dẫn khoản 4 Điều 102 của dự thảo Luật)

1. Tài sản chung của tổ hợp tác bao gồm: vốn góp; phần được trích từ hoa lợi, lợi tức sau thuế; tài sản khác do các thành viên đóng góp, cùng tạo lập; hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước hoặc các cá nhân, tổ chức khác tài trợ, tặng, cho; tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc định đoạt tài sản, tài chính của tổ hợp tác do các thành viên tổ hợp tác quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp tổ hợp tác được Nhà nước, cá nhân, tổ chức khác trao quyền hưởng dụng tài sản thì thực hiện quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự.

4. Quản lý, sử dụng tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác theo quy định Luật này và Bộ luật Dân sự.

5. Tổ hợp tác thực hiện các quy định về tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.

### Chấm dứt tổ hợp tác (Bổ sung) (hướng dẫn khoản 4 Điều 102 của dự thảo Luật)

1. Tổ hợp tác chấm dứt hoạt động trong trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác;

b) Mục đích hợp tác đã đạt được;

c) Không duy trì số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 102 của Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác;

d) Theo quyết định của cơ quan đăng ký;

đ) Theo quy định của hợp đồng hợp tác và pháp luật có liên quan;

e) Theo thỏa thuận của các thành viên tổ hợp tác và được 100% tổng số thành viên tán thành.

2. Đại diện hợp pháp của tổ hợp tác phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hoạt động.

# Chương IV

## ĐĂNG KÝ CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

## Mục 1. Đăng ký kinh doanh

### Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Người thành lập của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tự kê khai hồ sơ đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo.

2. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đảm bảo đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ. Đối với Cơ quan đăng ký kinh doanh, chữ ký của mỗi người đại diện theo pháp luật có giá trị như nhau trong hồ sơ đăng ký.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật xảy ra trước và sau khi đăng ký của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân với tổ chức, cá nhân khác.

5.Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Đăng ký tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Tổ chức kinh tế hợp tác không có tư cách pháp nhân không được đăng ký tên trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân khác đã đăng ký trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh trên phạm vi toàn quốc, trừ những tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố phá sản.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên.

4. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu đó. Căn cứ để xác định tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

### Quản lý và sử dụng con dấu

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không được sử dụng những hình ảnh, từ ngữ, ký hiệu sau đây trong nội dung hoặc làm hình thức con dấu:

a) Quốc kỳ, Quốc huy, Đảng kỳ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Hình ảnh, biểu tượng, tên của nhà nước, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

c) Từ ngữ, ký hiệu và hình ảnh vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

2. Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã thành lập trước ngày Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác có hiệu lực thi hành có thể tiếp tục sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không tiếp tục sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp thì phải nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Cơ quan công an cấp giấy biên nhận đã nhận lại con dấu tại thời điểm tiếp nhận lại con dấu của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã thành lập trước ngày Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác có hiệu lực thi hành bị mất con dấu, mất Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được làm con dấu theo quy định Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác; đồng thời thông báo việc mất con dấu, mất Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

### Ghi ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập, thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, người thành lập hoặc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào cơ sở dữ liệu quốc gia nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là ngành, nghề kinh doanh chi tiết đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

### Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được giới thiệu.

2. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký qua dịch vụ bưu chính công ích thì khi thực hiện thủ tục đăng ký, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

# Mục 2. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

###  Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

### Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất

1. Trường hợp chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 21 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, hồ sơ đăng ký đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới phải kèm theo bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 86 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Trường hợp tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 21 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, hồ sơ đăng ký đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách phải kèm theo bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 87 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Trường hợp hợp nhất một số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thành một tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 21 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, hồ sơ đăng ký đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 88 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc thông qua hợp đồng hợp nhất của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất.

### Đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác

1. Việc đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác bao gồm bản chính giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế và các giấy tờ quy định tại Điều 21 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh

Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật thông tin về địa điểm kinh doanh trong cơ sở dữ liệu. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong cơ sở dữ liệu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

### Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Người nộp hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định tại Nghị định này nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký được tiếp nhận để nhập thông tin vào hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;

b) Tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Có địa chỉ liên lạc, điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký;

d) Đã nộp đủ phí, lệ phí đăng ký theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ đăng ký vào hệ thống thông tin điện tử.

5. Người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký khi hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chưa được chấp thuận trên hệ thống. Trong trường hợp này, người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã nộp hồ sơ hoặc qua mạng thông tin điện tử. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên hệ thống trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo bằng văn bản cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và nêu rõ lý do từ chối.

### Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp đăng ký hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thì người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được cấp đăng ký khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Các thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có giá trị pháp lý kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có quyền yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và phải nộp phí theo quy định.

### Công bố nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký được thực hiện tại thời điểm tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nộp hồ sơ đăng ký.

2. Các nội dung công bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Thông tin công bố nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

### Cung cấp thông tin đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí tại trang điện tử [dangkykinhdoanh.gov.vn](http://dangkykinhdoanh.gov.vn) bao gồm: tên; mã số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Việc đề nghị cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác được thực hiện thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ky kinh doanh hoặc tại Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân lưu giữ trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cung cấp thông tin về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có trụ sở chính đặt tại địa bàn huyện.

3. Định kỳ hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách kèm thông tin về các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã đăng ký trong tháng trước đó đến cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính.

### Phí, lệ phí đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Người nộp hồ sơ nộp phí, lệ phí đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Phí, lệ phí đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể được nộp trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký không được hoàn trả cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không được cấp đăng ký.

2. Phương thức thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử được hỗ trợ trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Phí sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không được tính trong phí, lệ phí đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, phí cung cấp thông tin đăng ký và phí công bố nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Khi phát sinh lỗi giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử liên hệ với tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để được giải quyết.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và việc sử dụng phí, lệ phí đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, phí cung cấp thông tin đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và phí công bố nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đảm bảo bù đắp một phần chi phí cho hoạt động của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

# Mục 3. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

### Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cáp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định.

4. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Đăng ký đổi tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Trường hợp đổi tên, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật của ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc đổi tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nếu tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đăng ký thay đổi không trái với quy định về đặt tên tại các Điều 30, 31, 32, 33, 34 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Việc thay đổi tên không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Hội đồng thành viên ký;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh đối với người đại diện theo pháp luật mới;

c) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; nghị quyết, quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp

1. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Danh sách thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn sau khi thay đổi. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có vốn góp không thay đổi, các danh sách không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

3. Trường hợp giảm vốn điều lệ, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.

4. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi ngành, nghề kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi Thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về ngành, nghề kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Thông báo thay đổi thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn

1. Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ, công ty nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Danh sách thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới và tăng vốn điều lệ;

d) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới;

đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh đối với thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

e) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp, hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Danh sách thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

đ) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

3. Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế, hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Danh sách thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

4. Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 14 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách này phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi. Đối với thành viên có phần vốn góp không thay đổi, danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó;

c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn.

5. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế

1. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo thay đổi do người đại diện theo pháp luật ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính.

2. Sau khi tiếp nhận thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nhập dữ liệu vào hệ thống và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyệ cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

### Thông báo góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ thông báo gồm có:

a) Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Sau khi nhận hồ sơ thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống.

### Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số định danh đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Khi nhận được Thông báo của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong hệ thống và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Trường hợp chuyển địa chỉ nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến.

Khi nhận được Thông báo của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

### Các trường hợp không được thực hiện đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không được thực hiện việc đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về việc vi phạm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tiếp tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong các trường hợp sau:

a) Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong Thông báo về việc vi phạm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp nhận;

b) Phải đăng ký thay đổi một số nội dung đăng ký để phục vụ quá trình giải thể và hoàn tất bộ hồ sơ giải thể theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân về lý do đăng ký thay đổi;

c) Có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này về việc cho phép tiếp tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

# Mục 4. ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN QUA MẠNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

### Đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử hoặc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử.

2. Tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho cá nhân để thực hiện đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử. Cá nhân truy cập vào hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin và tạo Tài khoản đăng ký kinh doanh. Các thông tin cá nhân được kê khai trên hệ thống để cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trên giấy tờ pháp lý của cá nhân và phải tuân thủ định dạng, quy chuẩn của hệ thống.

4. Một Tài khoản đăng ký kinh doanh chỉ được cấp cho một cá nhân. Cá nhân được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký để được cấp và việc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử.

### Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử

1. Hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định của Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử có thể định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”.

3. Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử hợp lệ khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên hệ thống phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ bằng bản giấy; có thông tin về số điện thoại, email của người nộp hồ sơ;

c) Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều …Nghị định này.

4. Thời hạn để tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

### Trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và các đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này.

### Trình tự, thủ tục đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác thực hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và các đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này.

### Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh

Việc xác định và xử lý các tranh chấp, khiếu nại và hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý, sử dụng chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật.

# Mục 5. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TẠM NGỪNG KINH DOANH, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN, GIẢI THỂ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

### Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh không được quá một năm. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải thông báo tiếp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

2. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.

3. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy xác nhận về việc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

### Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân báo cáo theo quy định tại Điều 121 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin và công bố trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

### Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi văn bản đề nghị cấp lại đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cấp trên cơ sở hồ sơ, trình tự, thủ tục không đúng theo quy định, thông tin kê khai trong hồ sơ là không trung thực, không chính xác thực hiện tương ứng theo quy định tại các khoản 1Điều này.

### Đăng ký giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (giải thể tự nguyện)

Việc đăng ký giải thể doan tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 90 Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo về việc giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ sau đây:

a) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc giải thể;

b) Phương án giải quyết nợ (nếu có).

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thông báo tình trạng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống, chuyển tình trạng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cho Cơ quan thuế, hướng dẫn tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Báo cáo thanh lý tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải th, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

6. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được thông báo kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc ý kiến phản đối bằng văn bản của bên có liên quan, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

7. Đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

### Đăng ký giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc theo quyết định của Tòa án

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải quyết định này đồng thời thông báo tình trạng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống, chuyển tình trạng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi ổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều …Nghị định này.

3. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

### Chấm dứt tồn tại của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được chia, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc chấm dứt tồn tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập trước khi chấm dứt tồn tại của các tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân này trong trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

3. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân được chia, tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân hợp nhất, tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân nhận sáp nhập, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân được chia, tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân hợp nhất, tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân nhận sáp nhập gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các tổ chức kinh tế hợp tác tư cách pháp nhân này trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

### Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong hệ thống sang tình trạng chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ở nước ngoài đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong hệ thống trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

### Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là giả mạo:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đồng thời ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân làm lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã đăng ký ra thông báo về hành vi vi phạm đồng thời ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trên cơ sở quyết định của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện thủ tục giải thể theo quy định, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

### Thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân anh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo quy định tại Điều… Nghị định này.

# Mục 6. ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

### Tên, biểu tượng của tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác có tên gọi, biểu tượng riêng. Tên tổ hợp tác bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Cụm từ “Tổ hợp tác”;

b) Tên riêng của tổ hợp tác.

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu.

2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác.

3. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.

4. Tên riêng, biểu tượng của tổ hợp tác không được trùng với tên riêng, biểu tượng của tổ hợp tác đã thông báo trong phạm vi cấp huyện.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, người đại diện của tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác dự định thành lập và hoạt động. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác;

b) Hợp đồng hợp tác;

c) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một thành viên làm người đại diện của tổ hợp tác;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện của tổ hợp tác.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cập nhật thông tin về tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác thì tổ hợp tác có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Định kỳ vào tuần làm việc đầu tiên hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách tổ hợp tác đã thông báo thành lập tháng trước cho Cơ quan thuế cùng cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác

1. Trường hợp tổ hợp tác thay đổi các thông tin về tên, ngành, nghề kinh doanh, giá trị phần vốn góp, người đại diện, số lượng thành viên thì người đại diện của tổ hợp tác có trách nhiệm thông báo thay đổi tổ hợp tác với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác hoạt động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện của tổ hợp tác mới trong trường hợp thay đổi người đại diện của tổ hợp tác.

2. Trường hợp tổ hợp tác chuyển địa chỉ hoạt động sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi tổ hợp tác đã thông báo, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt địa chỉ hoạt động mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi địa chỉ hoạt động của tổ hợp tác.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin thay đổi nội dung thông báo tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cập nhật thông tin thay đổi nội dung thông báo tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh trong trường hợp tổ hợp tác thông báo thay đổi địa chỉ hoạt động, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây tổ hợp tác đã thông báo.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều …Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, tổ hợp tác phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác hoạt động, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác có chữ ký của các thành viên tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

2. Tổ hợp tác có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện trước khi nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, trừ trường hợp tổ hợp tác và chủ nợ có thỏa thuận khác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho tổ hợp tác.

# Chương V

## CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

### Tiêu chí hỗ trợ (Bổ sung) (hướng dẫn khoản 3 Điều 109 dự thảo Luật)

Tổ chức kinh tế hợp tác được nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Có báo cáo kiểm toán không quá 12 tháng kể từ thời điểm đề xuất hỗ trợ. Các tổ chức kinh tế hợp tác không phải kiểm toán bắt buộc được Nhà nước hỗ trợ kiểm toán thông qua hệ thống kiểm toán nhà nước.

2. Đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

- Có tỷ lệ tăng trưởng số lượng thành viên hàng năm liên tục trong 3 năm trên 5% tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- có tỷ lệ tăng trưởng dương về doanh thu của giao dịch nội bộ hàng năm liên tục trong 3 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Có tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia hoặc phát triển tài sản chung không chia hàng năm đạt từ 10% trở lên liên tục trong 3 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức giáo dục đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động cho ít nhất 10% tổng số thành viên chính thức hàng năm liên tục trong 3 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

### Nội dung hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp (Bổ sung) (hướng dẫn khoản 9 Điều 111 dự thảo Luật)

**1. Hỗ trợ thành lập mới tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Nhà nước hỗ trợ một lần chi phí xây dựng hồ sơ, thủ tục, biển hiệu khi tổ chức KTHT (HTX, Liên hiệp HTX, liên đoàn HTX) thành lập mới và đăng ký lại. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/Tổ chức KTHT.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức KTHT mới thành lập một lần tối thiểu 200 triệu đồng để trả tiền thuê nhà, đất làm trụ sở; mua sắm thiết bị văn phòng, trả lương cán bộ và chi phí cần thiết ban đầu. Điều kiện để Tổ chức KTHT được nhận hỗ trợ là: HTX có quy mô tối thiểu từ 100 thành viên trở lên; Liên hiệp HTX có quy mô tối thiểu 05 HTX thành viên trở lên; Liên đoàn HTX có quy mô tối thiểu từ 05 Liên hiệp HTX trở lên.

**2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và kỹ thuật cho tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Nhà nước hỗ trợ 60% chi phí cho Tổ chức KTHT để thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý, kế toán, kiểm toán nội bộ, quy trình kỹ thuật sản xuất kinh doanh, dự án vay vốn tín dụng thương mại. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/năm/TCKTHT trong 3 năm.

b) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trình độ, kỹ năng quản lý hợp tác xã nông nghiệp thông qua các chương trình đào tạo nghề giám đốc hợp tác xã nông nghiệp; phát triển lực lượng, chuyên gia tư vấn, hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp, lực lượng khuyến nông cộng đồng ở cơ sở (cấp huyện, xã) để thường xuyên tư vấn, hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

**3. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp về đất đai**

a) Tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp có nhu cầu thuê ổn định để phát triển dịch vụ, xây dựng cơ sở tập kết, sơ chế, chế biến, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp tổ chức KTHT được nhà nước giao hoặc cho thuê đất từ quỹ đất công phục vụ phát triển kinh tế nông thôn.

b) Tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng hạ tầng (kho tàng, nhà xưởng, cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, lưu trữ sản phẩm,…) theo yêu cầu hoạt động sản xuất, chế biến, dịch vụ, kinh doanh của tổ chức KTHT.

**4. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp xúc tiến thương mại**

Hàng năm Tổ chức KTHT được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí để tham gia hội chợ, triển lãm, quảng bá thương hiệu sản phẩm; bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/năm trong thời gian không quá 3 năm. Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn mức hỗ trợ có thể lên đến 100% tùy theo điều kiện từng địa phương.

**5. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp phí bảo hiểm nông nghiệp và tài sản chung.**

Tổ chức KTHT được hỗ trợ 50 % phí bảo hiểm của các tổ chức bảo hiểm đối với các tài sản chung và sản phẩm nông nghiệp của tập thể Tổ chức KTHT hoặc của tập thể tổ, đội, nhóm sản xuất trong Tổ chức KTHT trong 3 năm kể từ khi thành lập hoặc đăng ký lại.

**6. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp về khoa học công nghệ.**

a) Tổ chức KTHT có hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được hỗ trợ chi phí chứng nhận và áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong thời gian tối đa 03 năm khi thực hiện chung hoặc đứng ra tổ chức chung cho thành viên.

b) Nhà nước hỗ trợ tổ chức KTHT ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chính xác, sản xuất xanh, ít phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên hỗ trợ tổ chức KTHT tham gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, có trách nhiệm và bền vững, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, quy trình sản xuất an toàn thực phẩm, phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm thất thoát thực phẩm, chế biến phụ phẩm của sản phẩm nông nghiệp, vệ sinh môi trường và làm đẹp cảnh quan nông thôn; sản xuất phân bón hữu cơ.

**7. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất, dịch vụ**

a) Tổ chức KTHT hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, thủy sản, diêm nghiệp, thủy lợi được hỗ trợ:

- Hỗ trợ đến 70% chi phí về cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98 theo dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng kho và thiết bị để bảo quản nông sản, muối tập trung. Mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức KTHT có hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi được hỗ trợ 30% chi phí đầu tư cơ sở giết mổ tập trung*,* mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tổ chức KTHT có hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp được hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho khu vực trồng rừng nguyên liệu tập trung của Tổ chức KTHT có diện tích từ 500 ha trở lên, chưa có đường ô tô vận chuyển sản phẩm gỗ rừng trồng, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/km.

d) Ngân sách nhà nước bố trí nguồn lực hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn về đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm như: đường giao thông nội vùng sản xuất; các công trình thủy lợi; xây dựng các khu tập kết, thu gom phân loại, đóng gói, sơ chế, nông sản nguyên liệu tập trung ở các vùng nguyên liệu trước khi chuyển đến nhà máy chế biến hoặc xuất khẩu.

**8. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp xử lý môi trường nông thôn**

Tổ chức KTHT có hoạt động dịch vụ môi trường nông thôn, phát triển chăn nuôi và chế biến tập trung được hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí theo dự án đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án.

**9. Hỗ trợ tín dụng cho tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Nhà nước thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các dự án vay vốn sản xuất kinh doanh của Tổ chức KTHT thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tổ chức KTHT tín dụng. Mức vay được bảo lãnh không quá 03 tỷ đồng.

b) Hàng năm, các địa phương dành một khoản ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách, ngân hàng thương mại phát triển, hợp tác xã tín dụng để cho các thành viên hợp tác xã vay phục vụ sản xuất, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của hợp tác xã và địa phương.

c) Nhà nước hỗ trợ một lần sau đầu tư 10% tổng giá trị khoản vay với tổng mức vay không quá 30 tỷ đồng, khi Tổ chức KTHT vay vốn tại các tổ chức tín dụng chính thức, ngân hàng thương mại để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh thuộc danh mục ưu tiên của Đề án tài cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**10. Hỗ trợ tổ chức KTHT trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia cung cấp các dịch vụ công ích ở nông thôn**

a) Tổ chức KTHT nông nghiệp nếu tham gia cung ứng các dịch vụ công ích quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này được hưởng hỗ trợ của nhà nước theo quy định hiện hành và được phép thu phí dịch vụ trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng là thành viên và không phải thành viên Tổ chức KTHT.

b) Khung phí dịch vụ công ích được cấp có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt trên cơ sở đảm bảo thu đủ bù chi của dịch vụ đó.

c) Tổ chức KTHT tham gia cung cấp dịch vụ công ích được nhà nước hỗ trợ giải phóng mặt bằng và miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật để làm trụ sở Tổ chức KTHT.

d) Nhà nước đảm bảo kinh phí giải phóng mặt bằng xây dựng, nâng cấp hạ tầng công trình công ích.

đ) Tổ chức KTHT được hỗ trợ 100 % phí mua bảo hiểm của các tổ chức bảo hiểm đối với các tài sản chung phục vụ cung cấp dịch vụ công ích.

e) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật thực hiện dịch vụ công ích.

- Tổ chức KTHT tham gia cung cấp dịch vụ quản dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản được hỗ trợ một lần 70 % chi phí mua phương tiện dự tính, dự báo, phòng trừ dịch hại (không bao gồm thuốc); 100% chi phí thực hiện và chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, vùng an toàn dịch bệnh. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/ Tổ chức KTHT;

- Tổ chức KTHT hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp được hỗ trợ một lần 100% chi phí thực hiện các quy định để được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- Tổ chức KTHT hoạt động khai thác thủy sản bền vững xa bờ và cung cấp dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản trên biển được hỗ trợ một lần 100% chi phí mua: 01 máy thông tin liên lạc tích hợp định vị tầm xa cho tầu mẹ, 01 máy tầm trung cho mỗi tầu đánh bắt và dịch vụ hậu cần; 01 phương tiện thiết bị dò cá cho mỗi tổ chức KTHT đánh bắt.

### Nội dung hỗ trợ đối với các tổ chức kinh tế hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp-xây dựng, thương mại-dịch vụ, tài chính-tiền tệ

1. Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia các hoạt động tư vấn, kiểm toán, quản lý, điều hành của các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

2. Hỗ trợ một phần kinh phí ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

3. Hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đầu tư cho các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

4. Hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm:

a) Các tổ chức kinh tế hợp tác được vay vốn trung và dài hạn từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất ưu đãi theo chu kỳ của dự án sản xuất, kinh doanh, tối đa không quá năm (10) năm.

5. Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất:

a) Tổ chức kinh tế hợp tác được Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thuê mặt bằng, quỹ đất công ích với giá ưu đãi để xây dựng các công trình: trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm.

d) Tổ chức kinh tế hợp tác được Nhà nước tạo điều kiện bảo đảm về quỹ đất trong chu kỳ thực hiện dự án, trừ trường hợp phải thu hồi hoặc các trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai.

6. Ưu đãi thuế, phí và lệ phí:

a) Các tổ chức kinh tế hợp tác được hưởng mức ưu đãi thuế, phí và lệ phí cao nhất so với các đối tượng khác hoạt động trong cùng lĩnh vực ngành, nghề và địa bàn.

b) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thặng dư từ giao dịch bên trong của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị:

Hỗ trợ đầu tư phát triển nhà ở cho thành viên là cá nhân và người lao động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

# Chương VI

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

### Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thiết lập kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về các tổ chức kinh tế hợp tác (hướng dẫn khoản 4 Điều 115 dự thảo Luật)

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ, cơ quan về các tổ chức kinh tế hợp tác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình để kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các tổ chức kinh tế hợp tác. Ủy ban nhân dân cấp huyện kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về các tổ chức kinh tế hợp tác. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về các tổ chức kinh tế hợp tác.

### Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có tài khoản và con dấu riêng.

### Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký.

2. Hướng dẫn tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ thực hiện báo cáo về tình hình đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trên phạm vi địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục thuế địa phương, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo nội dung trong hồ sơ đăng ký.

6. Yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này khi cần thiết;

7. Yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tác tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

8. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

9. Đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

### Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

2. Bộ Tài chính:

3. Bộ Công an

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

* Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết việc chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu đăng ký, hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức kinh tế hợp tác cấp huyện, UBND xã lên hệ thống. Việc triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu được thực hiện theo kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức kinh tế hợp tác cấp huyện.
* Các thông tin đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và UBND xã là thông tin gốc về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, tổ hợp tác khi quá trình chuyển đổi dữ liệu được thực hiện.
* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình.

# Chương VII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …

2. Các Nghị định số 193/2013/NĐ-CP và Nghị định số 107/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 chấm dứt hiệu lực thi hành kể từ ngày ….

3. Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác hết hiệu lực kể từ ngày …...

4. Những quy định về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG*(Đã ký)*Phạm Minh Chính** |